

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-6-2022

“Về việc: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Nguyệt.
2. Ông Phùng Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03/3/2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 19/TB-TA ngày 05/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Mỹ H1, sinh năm 1972;

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn H2, sinh năm 1977;

Cùng nơi cư trú: Xóm 4, thôn Suối Sâu, xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – chị Dương Thị Mỹ H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Mỹ H1 và anh Đặng Văn H2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Kiết vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống H1 phúc với nhau. Đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H2 không chịu làm ăn mà thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây gổ nên cuộc sống vợ chồng không có H1 phúc. Từ năm 2012 ANH H2 đã bỏ nhà đi và đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Vì muốn làm thủ tục ly hôn nên vào năm 2017 chị H1 đã làm đơn đề nghị Tòa án đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Sau khi Tòa án đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú cho đến nay anh H2 vẫn chưa quay về địa phương. Chị H1 xác định không còn tình cảm với anh H2 nữa, cuộc sống không có H1 phúc nên chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H2.

- Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 02 người con chung tên là Đặng Phước Lợi, sinh năm 2000 và Đặng Ngọc Mai, sinh năm 2003. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và vợ chung: Chị Hanh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H1 không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn – anh Đặng Văn H2 đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh H2 đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể ghi nhận những ý kiến của anh H2 về những vấn đề liên quan trong vụ án.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01.08 ngày 18/8/2008 của Ủy ban nhân dân xã Suối Kiết; Bản sao Chứng minh nhân dân của anh H2; Bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị H1; Bản sao có chứng thực Quyết định số 01/2017/QĐDS-ST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về nơi cư trú của anh H2 và tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H1, anh H2.

[6]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị H1 có đơn yêu cầu giải quyết xét xử, vắng mặt. Bị đơn – Anh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào

khoản 1; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không chấp H1 quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS năm 2017.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 203; khoản 1 và điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị Mỹ H1 được ly hôn với anh Đặng Văn H2.

Về án phí: Chị Dương Thị Mỹ H1 nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H1, yêu cầu giải quyết ly hôn; ngoài ra, trong vụ án không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – Anh Đặng Văn H2 đã được triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Dương Thị Mỹ H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét xét xử vắng mặt các đương sự. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H1, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Dương Thị Mỹ H1 tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đặng Văn H2 vào năm 2008 tại giấy giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01.08 ngày 18/8/2008 ở Ủy ban nhân dân xã Suối Kiết. Vợ chồng chung sống H1 phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh H2 không chịu làm ăn mà thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây gổ nên cuộc sống vợ chồng không có H1 phúc. Từ năm 2012 anh H2 bỏ nhà đi và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thể hiện trong các tài liệu chứng cứ, chị Dương Thị Mỹ H1 đều xác định không còn tình cảm gì với anh H2 nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Theo biên bản xác minh lập ngày 15/3/2022 (Bút lục 41) thể hiện: Ông Đặng Văn H2 vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Suối Sâu, xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Thế nhưng ông H2 không còn sinh sống tại địa phương từ năm 2017 cho đến nay. Trước đây khi ông H2 còn sinh sống tại địa phương thì vợ chồng bà H1 và ông H2 thỉnh thoảng cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không H1 phúc. Hiện nay bà H1 và ông H2 không còn chung sống với nhau.

Sau khi có quyết định của Tòa án về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú thì từ năm 2017 cho đến nay anh H2 không về địa phương xã Suối Kiết. Như vậy, vợ chồng anh H2, chị H1 không còn tình cảm với nhau; các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy vợ chồng chị H1 và anh H2 phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có H1 phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H1 yêu cầu giải quyết cho chị H1 được ly hôn với anh H2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị H1 được ly hôn với anh H2.

[4] Về con chung: Chị H1 và anh H2 02 người con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động. Chị H1 không có yêu cầu gì nên không có yêu cầu giải quyết gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Cần buộc chị Dương Thị Mỹ H1 pH2 chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Mỹ H1 về việc ly hôn.

Chị Dương Thị Mỹ H1 được ly hôn với anh Đặng Văn H2.

[2]. Về án phí: Buộc Chị Dương Thị Mỹ H1 phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007778 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (chị H1 đã nộp đủ tiền án phí.).

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- UBND xã Suối Kiết;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến